

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 337/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 17 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Phát triển khoa học
và công nghệ tỉnh Phú Thọ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ, ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 3824/2009/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc Ban hành Quy định cụ thể về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt "Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ", sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất.

Xét đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 01/TTr-QPTKHCN, ngày 18 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 30/5/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ Về việc Ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và Ban kiểm soát Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH PHÚ THỌ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của
Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)*

**Chương I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định quản lý và sử dụng tài chính đối với hoạt động nghiệp vụ và công tác điều hành của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi tắt là Quỹ); chế độ tài chính, kế toán, thống kê.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu do ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, hạch toán độc lập, không vì mục đích lợi nhuận; theo Điều lệ Quỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch, đúng mục đích cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ

Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng mục đích, hiệu quả phù hợp với điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm:

1. Vốn do ngân sách nhà nước cấp:

a) Vốn điều lệ của Quỹ được cấp một lần từ ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh nhằm thực hiện các hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ;

b) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm cấp thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp quản lý cho tỉnh; kinh phí đối ứng của tỉnh thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia; kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được ngân sách tỉnh hỗ trợ; kinh phí hỗ trợ thuộc Chương trình Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh Phú Thọ V/v Ban hành Quy định hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ)

c) Nguồn vốn ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý của Quỹ;

d) Các nguồn khác được ngân sách nhà nước cấp.

2. Các nguồn vốn khác:

a) Các khoản thu từ kết quả hoạt động Quỹ, khoản phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có);

b) Nhận ủy thác của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, tỉnh, thành phố khác; kinh phí được điều chuyển từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh trực tiếp quản lý;

c) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận ủy thác từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp ngoài Nhà nước;

d) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ, hiến tặng và nhận ủy thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quản lý và sử dụng vốn

1. Vốn của Quỹ được sử dụng cho các đối tượng được cấp, tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và chi cho hoạt động của Quỹ theo quy định tại Quy định này qui định pháp luật khác có liên quan.

2. Quỹ được phép chuyển nguồn vốn kết dư (kể cả vốn do ngân sách nhà nước cấp) trong năm tài chính sang năm kế tiếp.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA QUỸ

Điều 6. Hoạt động cấp và quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trình UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ quyết định giao dự toán của UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp nguồn kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (cấp cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp giao cho tỉnh trực tiếp quản lý; kinh phí đối ứng của tỉnh cho thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KH-CN tỉnh; kinh phí bố trí cho Chương trình Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ) về tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại Kho bạc nhà nước để Quỹ quản lý, sử dụng, cấp kinh phí theo quy định.

2. Đối tượng cấp kinh phí:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp giao cho tỉnh trực tiếp quản lý;

b) Các nhiệm vụ cấp quốc gia được tỉnh bố trí vốn đối ứng thực hiện trên địa bàn tỉnh.

c) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

d) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH-CN tỉnh.

e) Các dự án được phê duyệt hỗ trợ thuộc Chương trình Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012).

3. Hồ sơ và trình tự cấp kinh phí:

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giao cho tỉnh trực tiếp quản lý: Hồ sơ và trình tự cấp theo quy định của từng nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành;

b) Kinh phí đối ứng của tỉnh cho thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia: cấp theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh và tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo thuyết minh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ đề nghị cấp gồm:

- Cấp lần đầu: Quyết định phê duyệt kinh phí đối ứng của UBND tỉnh; Công văn đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ; Công văn đề nghị của cơ quan chủ trì;

- Những lần cấp tiếp theo: Quyết định phê duyệt kinh phí đối ứng của UBND tỉnh; Công văn đề nghị kèm theo Biên bản kiểm tra tiến độ và tình hình sử dụng kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ (cả nguồn kinh phí trung ương và của tỉnh); Công văn đề nghị kèm theo Báo cáo tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đã cấp của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

c) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp tỉnh theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Kinh phí được cấp theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định phê duyệt và Hợp đồng đã ký. Hồ sơ đề nghị cấp gồm:

- Cấp lần đầu: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của UBND tỉnh; Công văn đề nghị Quỹ cấp kinh phí của tổ chức, cá nhân chủ trì; Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ký giữa Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì; Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt (cấp 100% kinh phí năm đầu kế hoạch thực hiện nhiệm vụ).

- Những lần cấp tiếp theo: Công văn đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ kèm theo Biên bản kiểm tra tiến độ và sử dụng kinh phí; Văn bản đề nghị kèm theo báo cáo tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đã cấp của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ (mức cấp do Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị).

d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở được cấp trên cơ sở Quyết định phê duyệt hỗ trợ và đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ đề nghị cấp gồm:

- Công văn đề nghị cấp kinh phí của tổ chức, cá nhân chủ trì;
- Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cơ sở đã được thẩm định;
- Quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ KH&CN của thủ trưởng cơ sở;
- Công văn đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cơ sở của sở KH&CN Phú Thọ.

e) Kinh phí cấp cho đối tượng quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều này được cấp trên cơ sở Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh; Kinh phí được cấp 01 lần (một lần). Hồ sơ đề nghị cấp gồm:

- Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công văn đề nghị cấp của tổ chức được hỗ trợ;
- Biên bản Hội đồng thẩm định;
- Bản sao các tài liệu theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh Phú Thọ.

g) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Quỹ xem xét, thực hiện cấp kinh phí vào tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì nhiệm vụ mở tại Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức có trụ sở chính hoặc ngân hàng thương mại (đối với cơ quan chủ trì là doanh nghiệp).

4. Quyết toán kinh phí đã cấp:

a) Trình tự quyết toán:

- Đối với kinh phí cấp để thực hiện các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ thuộc các đối tượng quy định tại Điểm a, b, c, d, Khoản 2, Điều này:

+ Cơ quan chủ trì nhiệm vụ thực hiện quyết toán kinh phí đã cấp với Quỹ. Việc quyết toán kinh phí thực hiện một lần sau khi nhiệm vụ kết thúc và được Hội đồng

khoa học đánh giá, nghiệm thu (hoặc có quyết định dừng thực hiện đối với nhiệm vụ không hoàn thành và dừng thực hiện) và có Quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

+ Thành phần tham gia quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ gồm: Đại diện Quỹ; đại diện phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ; đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

- Đối với kinh phí cấp hỗ trợ thuộc đối tượng quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều này:

+ Hàng năm Quỹ thực hiện quyết toán với Sở Tài chính.

+ Thành phần quyết toán gồm: Đại diện Quỹ, đại diện phòng chuyên môn Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện Sở Tài chính, đại diện tổ chức được hỗ trợ kinh phí (nếu cần) để giải trình những vướng mắc.

- Quỹ thực hiện quyết toán kinh phí đã cấp với Sở Tài chính:

+ Hàng năm, Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu và quyết toán kinh phí đã cấp và quyết toán với Sở Tài chính nguồn kinh phí cấp và báo cáo UBND tỉnh theo quy định hiện hành.

+ Thành phần tham gia quyết toán gồm: Đại diện Quỹ, đại diện phòng chuyên môn Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện Sở Tài chính, đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ (nếu cần) để giải trình những vướng mắc.

b) Hồ sơ quyết toán:

- Hồ sơ quyết toán giữa Quỹ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ đối với kinh phí cấp thực hiện các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ thuộc các đối tượng quy định tại Điểm a, b, c, d, Khoản 2, Điều này:

+ Quyết định phê duyệt, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ;

+ Báo cáo đề nghị quyết toán;

+ Bảng kê chứng từ thanh toán và toàn bộ hồ sơ chứng từ thanh toán theo nội dung và các khoản chi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Biên bản nghiệm thu, đánh giá nhiệm vụ hoặc quyết định dừng thực hiện, thu hồi kinh phí đối với nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện và thu hồi kinh phí.

+ Bản sao Quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị quyết toán kinh phí của tổ chức chủ trì, Quỹ thực hiện việc quyết toán kinh phí.

- Hồ sơ quyết toán giữa Quỹ với Sở Tài chính:

+ Đối với các nhiệm vụ đã kết thúc thuộc đối tượng quy định tại Điểm a, b, c, d, Khoản 2, Điều này, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị quyết toán và bảng tổng hợp kinh phí đề nghị quyết toán của Quỹ; Bản sao các tài liệu quyết toán các nhiệm vụ giữa Quỹ với tổ chức chủ trì; Biên bản Quyết toán giữa Quỹ với tổ chức chủ trì; Ủy nhiệm chi của Quỹ.

+ Đối với kinh phí cấp trong năm cho các nhiệm vụ đang thực hiện thuộc đối tượng quy định tại Điều a, b, c, d, Khoản 2, Điều này, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị quyết toán và bảng tổng hợp kinh phí đề nghị quyết toán của Quỹ; Bản sao các hồ sơ đề nghị Quỹ cấp của tổ chức chủ trì; Ủy nhiệm chi của Quỹ.

+ Đối với kinh phí cấp hỗ trợ thuộc đối tượng quy định tại Điều e, Khoản 2, Điều này, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị quyết toán và bảng tổng hợp kinh phí đề nghị quyết toán của Quỹ; Bản sao các toàn bộ tài liệu, chứng từ kèm theo hồ sơ đề nghị cấp của tổ chức được nhận hỗ trợ; Ủy nhiệm chi của Quỹ.

5. Quỹ không thực hiện việc xét chọn, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Quỹ thực hiện cấp kinh phí.

Điều 7. Hoạt động tài trợ của Quỹ.

1. Đối tượng tài trợ: Quỹ tài trợ một phần kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở do tổ chức, cá nhân thực hiện ở các lĩnh vực sau:

a) Các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ưu tiên các đề tài phù hợp với các định hướng đã được phê duyệt trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

b) Các đề tài nghiên cứu ứng dụng, ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng để tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ theo định hướng ưu tiên của tỉnh.

c) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất mới phát sinh có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học liên ngành.

2. Mức tài trợ:

Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức tài trợ không quá 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho một nhiệm vụ.

Điều 8. Hoạt động cho vay và bảo lãnh vay vốn của Quỹ

1. Đối tượng cho vay: Các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối tượng bảo lãnh vốn vay: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Quỹ cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi đối với các dự án khoa học và công nghệ như sau:

a) Dự án được vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng nông thôn, miền núi, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Dự án được vay vốn với lãi suất thấp bao gồm các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao;

4. Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả. Các đối tượng vay vốn phải bảo đảm các yêu cầu:

a) Đúng đối tượng, tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định này;

b) Hồ sơ xin vay vốn được đánh giá, xét duyệt công khai, minh bạch;

c) Quỹ cho vay để thực hiện dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong kế hoạch của Nhà nước, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội đối với tỉnh và không được trùng lặp với các dự án đã được các Chương trình, Quỹ khác thuộc ngân sách nhà nước cho vay;

d) Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng;

e) Có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

5. Mức vốn vay và thẩm quyền quyết định mức vốn vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn cho phép của Quỹ, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Mức cho vay đối với một dự án tối đa bằng 70% tổng giá trị của dự án đã được Quỹ thẩm định, nhưng không vượt quá 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

a) Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 36 tháng. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

b) Lãi suất vay:

- Cho vay không lấy lãi đối với các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều này;

- Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án đổi mới công nghệ quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều này;

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất thấp đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

- Đối với trường hợp cho vay với lãi suất thấp được thực hiện từ nguồn vốn huy động ngoài ngân sách để thực hiện các dự án, chương trình khoa học công nghệ, mức lãi suất cho vay được Quỹ công bố tại từng thời điểm, căn cứ vào thỏa thuận giữa Quỹ và tổ chức tài chính, ngân hàng trong nước và ngoài nước cho vay ưu đãi;

- Mức lãi suất cho vay quy định tại điều này là lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án.

c) Bảo đảm tiền vay:

- Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và các biện pháp bảo đảm khác nếu có theo quy định của pháp luật.

Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan;

- Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các dự án có tính chất đầu tư sẽ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

d) Hàng năm, Quỹ được trích lập dự phòng rủi ro để xử lý bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay. Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro thực hiện theo các quy định khác của pháp luật.

6. Quỹ thực hiện bảo lãnh vốn vay cho các dự án khoa học và công nghệ như sau:

a) Điều kiện để chủ dự án được bảo lãnh vốn vay:

- Dự án đã được tổ chức tín dụng khác thẩm định cho vay và có văn bản yêu cầu bảo lãnh gửi Quỹ;

- Phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay được Quỹ chấp thuận;

- Có tài sản bảo đảm bằng hình thức cầm cố, thế chấp được Quỹ chấp nhận.

b) Mức bảo lãnh và thẩm quyền quyết định mức bảo lãnh không vượt quá mức vốn vay.

c) Thời hạn bảo lãnh vốn vay được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa chủ dự án với tổ chức tín dụng cho vay thực hiện dự án, nhưng không quá khung thời gian cho vay được quy định của Quỹ.

d) Chủ dự án được bảo lãnh vốn vay phải trả cho Quỹ một khoản phí bảo lãnh bằng phần trăm (%) trên tổng số tiền đang bảo lãnh. Mức cụ thể theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

7. Hoạt động cho vay, bảo lãnh vốn vay quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được Quỹ thực hiện thông qua hình thức ủy thác cho các tổ chức tín dụng. Quỹ tổ chức đánh giá, xét chọn nhiệm vụ cho vay, bảo lãnh vốn vay theo các tiêu chí khoa học và công nghệ. Tổng số vốn cho vay, bảo lãnh vốn vay hàng năm không quá 20% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng số dư nợ cho vay và bảo lãnh vốn vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ.

8. Lãi suất đối với các trường hợp nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất vay.

9. Hội đồng Quản lý Quỹ hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục và thanh quyết toán vốn vay và bảo lãnh vốn vay.

Điều 9. Hoạt động hỗ trợ của Quỹ

1. Đối tượng hỗ trợ: Các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh, nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Quỹ hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh sau đây: Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại

Việt Nam; tham dự và trình bày báo cáo khoa học (oral presentation) tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài; thực tập, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn (dưới 6 tháng) của nhà khoa học, nghiên cứu sinh đang thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ tại các tổ chức khoa học, phòng thí nghiệm ở nước ngoài mà trong nước chưa có đủ điều kiện thực hiện; công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ; xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn, là kết quả của đề tài/dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của nhà nước tài trợ; hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm của nhà khoa học đầu ngành; hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ.

4. Giám đốc Quỹ xây dựng kế hoạch và dự toán hỗ trợ trình Hội đồng Quản lý quỹ phê duyệt.

Điều 10. Nguồn vốn ủy thác và quản lý nguồn vốn ủy thác

1. Quỹ được nhận vốn ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tài trợ hoặc cho vay các đề tài, dự án theo hợp đồng ủy thác.

2. Nguồn vốn nhận ủy thác, các khoản tài trợ, cho vay theo hợp đồng ủy thác phải được theo dõi, quản lý riêng và thỏa thuận hợp đồng ủy thác. Kết thúc thời hạn ủy thác, Quỹ có trách nhiệm thu hồi các khoản tài trợ, cho vay theo ủy thác và quyết toán nguồn vốn nhận ủy thác với người ủy thác theo hợp đồng đã ký.

Điều 11. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Quy định các tiêu chí đánh giá, xét chọn dự án được tài trợ, cho vay từ nguồn vốn của Quỹ.

3. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ, các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát Quỹ.

4. Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan điều hành Quỹ trong việc thực hiện các quy định của Hội đồng Quản lý Quỹ.

5. Quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay theo các quy định tại quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Định kỳ hàng quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.

2. Xem xét, trình Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tài chính của Quỹ.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan điều hành Quỹ

1. Cấp và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giao cho tỉnh trực tiếp quản lý, kinh phí đối ứng thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trực tiếp quản lý.

2. Thực hiện thẩm định dự án để đánh giá và xét chọn các nhiệm vụ và trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay, thời hạn cho vay đối với từng nhiệm vụ cụ thể theo quy định.

3. Ủy thác cho tổ chức tín dụng ký hợp đồng cho vay, bảo lãnh vốn vay theo quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ đối với từng khoản vay.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước trong việc cấp phát và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và các khoản chi tiêu của Quỹ.

5. Phối hợp với tổ chức tín dụng theo dõi và thu hồi các khoản vốn vay, lãi vay đúng hạn theo hợp đồng đã ký kết.

6. Trình Hội đồng quản lý Quỹ biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm.

Điều 14. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ và nhận ủy thác

1. Sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích, đúng chế độ tiêu chuẩn, định kỳ có báo cáo tình hình sử dụng kinh phí quy định.

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân được tài trợ, vay vốn, hỗ trợ của Quỹ thực hiện quyết toán trực tiếp với Cơ quan điều hành Quỹ.

Điều 15. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Kinh phí cấp từ nguồn ngân sách nhà nước cho thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển KHCN. Việc xử lý rủi ro theo quy định quản lý của từng loại nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Dự án được vay vốn khi đang tiến hành mà gặp phải các trường hợp rủi ro dưới đây dẫn đến không thể thực hiện được dự án, thì được xem xét miễn, giảm kinh phí cho vay, lãi suất cho vay, gia hạn thời hạn vay.

a) Đơn vị thực hiện dự án bị phá sản;

b) Cá nhân chủ nhiệm dự án bị chết hoặc mất tích;

c) Trong quá trình thực hiện gặp các yếu tố khách quan: Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, dẫn đến không thể thực hiện được dự án.

d) Trong các trường hợp này đơn vị thực hiện dự án phải báo cáo kịp thời cho Cơ quan điều hành Quỹ bằng văn bản.

3. Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 16. Kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ

1. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động thường xuyên theo dự toán hàng năm.

2. Thu từ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, gồm:

a) Thu lãi cho vay của các dự án vay vốn của Quỹ;

b) Thu từ các hoạt động hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ;

c) Thu phí từ hoạt động ủy thác (nếu có);

d) Thu hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác.

e) Thu từ hoạt động tài chính:

- Thu lãi tiền gửi;

- Các khoản thu từ dịch vụ tài chính khác.

g) Thu từ hoạt động khác:

h) Các khoản thu phạt;

i) Thu thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán) theo quy định hiện hành;

k) Thu nợ đã xóa nay thu hồi được;

m) Các khoản thu khác.

Điều 17. Chi hoạt động Quỹ

1. Chi thường xuyên cho hoạt động bộ máy, gồm: Tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, chi dịch vụ công cộng, văn phòng phẩm và các khoản chi thường xuyên khác theo chế độ hiện hành;

2. Chi hoạt động nghiệp vụ Quỹ

a) Kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ, Hội đồng khoa học và công nghệ;

b) Chi phụ cấp cho các thành viên kiêm nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và các chức danh kiêm nhiệm khác. Mức chi theo các quy định hiện hành;

c) Kinh phí mua tài liệu, tư liệu, thông tin tuyên truyền, phương tiện vận chuyển phục vụ cho các hoạt động của Quỹ;

d) Chi tuyển chọn, xét chọn thẩm định, đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu dự án cho vay;

e) Chi thu hồi nợ, lãi vay từ nguồn vốn của Quỹ;

g) Chi mua sắm vật tư, công cụ văn phòng và văn phòng phẩm. Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định...

h) Chi thường xuyên khác.

3. Các khoản chi không thường xuyên của hoạt động bộ máy, gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản và các khoản chi không thường xuyên khác.

Điều 18. Chế độ quản lý chi tiêu

1. Căn cứ dự toán hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt và các khoản thu hợp pháp của Quỹ, Quỹ xây dựng dự toán chi theo chế độ hiện hành.

2. Giám đốc Quỹ ban hành quy chế, định mức chi tiêu nội bộ phù hợp với các quy định của nhà nước.

3. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

a) Các khoản thiệt hại đã được hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;

b) Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính;

c) Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 19. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng, thanh lý tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Số tiền trích khấu hao, số tiền thu được từ chênh lệch do thanh lý, nhượng bán tài sản sau khi đã hạch toán chi phí, được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.

Điều 20. Phân phối thu nhập và trích lập Quỹ

Chênh lệch thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ được lập thành các quỹ cho hoạt động như sau:

1. Trích tối thiểu 25% để bổ sung các hoạt động của Quỹ.
2. Trích lập Quỹ khen thưởng
3. Trích Quỹ phúc lợi.
4. Trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

Điều 21. Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ

1. Hàng năm Quỹ xây dựng dự toán hoạt động của Quỹ gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trong dự toán chi hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.
2. Căn cứ dự toán được UBND tỉnh phê duyệt, Cơ quan điều hành Quỹ lập kế hoạch tài chính gửi cho Ban Kiểm soát thẩm định, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.
3. Quỹ không lập dự toán cho các nguồn vốn được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Quy định này (nguồn kinh phí này do Sở Khoa học và Công nghệ lập và trình UBND tỉnh phê duyệt).

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THỐNG KÊ

Điều 22. Công tác tài chính kế toán, quyết toán, thống kê

1. Quỹ phải tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, quyết toán ngân sách và công tác thống kê theo quy định của Luật Kế toán, Luật ngân sách và Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Kế toán, Luật ngân sách và Luật Thống kê.
2. Quỹ được áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính để thực hiện công tác kế toán của Quỹ.
3. Giám đốc Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính của Quỹ gửi Ban kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan quản lý tài chính theo quy định.

Điều 23. Kiểm tra tài chính

1. Hàng năm Quỹ phải thực hiện tự kiểm tra tài chính kế toán theo “Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan đơn vị có sử dụng ngân sách Nhà nước” ban hành kèm theo Quyết định 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.
2. Quỹ chịu sự kiểm tra tài chính theo quy định hiện hành.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh thực hiện chức năng tài trợ, cấp kinh phí, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các Quy định tài chính hiện hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước về hoạt động chung của Quỹ.

3. Sở Tài chính thực hiện chức năng giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về các hoạt động tài chính của Quỹ.

4. Kho Bạc nhà nước tỉnh kiểm soát thanh toán các khoản chi từ Quỹ theo chế độ quy định.

5. Trong quá trình thực hiện nếu cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình cụ thể, Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu